

Số: 32 /TB-VP

Châu Thành, ngày 26 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách
Quý II và 6 tháng năm 2026

Căn cứ Luật số 36/2018/QH14 Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 226/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật tiết kiệm, chống lãng phí;

Văn phòng HĐND - UBND xã Châu Thành thông báo công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách Quý II và 6 tháng năm 2026 trên cổng thông tin điện tử của xã đến các cơ quan, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, các cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn xã biết./.

Nơi nhận:

- Các phòng, ban, ngành, các TCCT-XH xã;
- LĐ và CBCC-NLĐ Văn phòng HĐND-UBND xã;
- Lưu: VT.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Danh Hứa Quốc Vương

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH (03 THÁNG NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Văn phòng HĐND và UBND xã Châu Thành công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách (03 tháng năm 2026) như sau:

Đơn vị: đồng.

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện (03 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp...				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí				
2	Phí...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.430.160.929	8.107.503.474	0,40	0,40
I	Nguồn ngân sách trong nước	20.430.160.929	8.107.503.474	0,40	0,40
1	Chi quản lý hành chính	16.338.063.629	5.390.736.348	0,33	0,33
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	10.643.465.341	3.763.944.245	0,35	0,35

	Chi Lương, PC, các khoản đóng góp (Nguồn CCTL: 501.652.830đ) 22 biên chế (giao 6 tháng)	1.687.465.341	611.728.332	0,36	0,36
	Chi công việc thường xuyên (giao 6 tháng)	468.000.000	214.043.000	0,46	0,46
	Chi Lương, PC, các khoản đóng góp ấp, khu phố (Nguồn CCTL: 2.003.000.000đ)	6.259.000.000	2.177.604.201	0,35	0,35
	Chi Lương, PC, các khoản đóng góp KCT xã (Nguồn CCTL: 150.000.000đ)	412.000.000	266.881.212	0,65	0,65
	Sinh hoạt phí HĐND	843.000.000	251.587.500	0,30	0,30
	Chi công việc ấp, khu phố	552.000.000	138.000.000	0,25	0,25
	Hỗ trợ bằng cấp KCT	392.000.000	89.100.000	0,23	0,23
	HĐ các tổ chức chính trị - XH các ấp, KP	30.000.000	15.000.000	0,50	0,50
	Quân sự	3.281.991.088	740.298.103	0,23	0,23
	Phụ cấp TN, đặc thù, DQTV	383.530.000	137.090.303	0,36	0,36
	Tiền ăn, ngày công, BHXH, BHYT (nguồn CCTL: 129.066.720đ)	2.898.461.088	603.207.800	0,21	0,21
	Công an	2.412.607.200	886.494.000	0,37	0,37
	Tổ ANTT (Nguồn CCTL: 46.8180.000đ)	2.412.607.200	886.494.000	0,37	0,37
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	4.092.097.300	2.716.767.126	0,66	0,66
	Cải cách hành chính, ISO, quản trị mạng	45.000.000	14.391.000	0,32	0,32
	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (theo Thông tư liên tịch số 75/2026/NĐ-CP ngày 16/3/2026	1.500.000.000	269.898.826	0,18	0,18
	Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp theo NĐ 154/2025/NĐ-CP đối với Người hoạt động KCT xã	1.832.793.300	1.832.793.300	1,00	1,00
	Kinh phí Lễ trao QĐ và các hoạt động Lễ giao nhận quân năm 2026	240.768.800	206.968.800	0,86	0,86
	Kinh phí trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026	100.699.200	100.699.200	1,00	1,00
	Kinh phí trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV; thuê xe; quà tặng đón quân nhân xuất ngũ năm 2026	61.028.000	61.028.000	1,00	1,00
	Kinh phí chi trả PC trách nhiệm của Trưởng, phó, Ban biên tập trang thông tin điện tử tổng hợp xã Châu Thành	30.888.000	6.318.000	0,20	0,20
	Kinh phí thuê tháo gỡ, vận chuyển tài sản tại trụ sở UBND 02 xã cũ; mua bọc, trang trí bọc để tượng Bác; 06 màn cửa sổ năm 2026	47.890.000	14.950.000	0,31	0,31
	Kinh phí tiếp xúc cử tri sau kỳ họp HĐND năm 2025; quà lưu niệm cho Đại biểu HĐND NK 2021-2026	233.030.000	209.720.000	0,90	0,90
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				

	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
	Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				

H. C. M.
 AN PHÒNG
 CÔNG NHÃ
 VÀ
 BAN NHÂN
 THAM

5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Dự án A				

9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Châu Thành, ngày 13 tháng 04 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị
(Chữ ký, dấu)



Danh Hứa Quốc Vương



**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
(06 THÁNG NĂM 2026**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.
Văn phòng HĐND và UBND xã Châu Thành công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách (06 tháng năm 2026) như sau:

Đơn vị: đồng.

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện (06 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp...				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí				
2	Phí...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.840.810.679	13.925.354.717	0,67	0,67
I	Nguồn ngân sách trong nước	20.840.810.679	13.925.354.717	0,67	0,67
1	Chi quản lý hành chính	16.275.619.379	10.454.578.582	0,64	0,64
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	10.581.021.091	7.106.306.432	0,67	0,67
	Chi Lương, PC, các khoản đóng góp (Nguồn CCTL: 501.652.830đ) 22 biên chế (giao 6 tháng)	1.687.465.341	1.675.145.241	0,99	0,99



	Chi công việc thường xuyên (giao 6 tháng)	405.555.750	311.813.024	0,77	0,77
	Chi Lương, PC, các khoản đóng góp ấp, khu phố (Nguồn CCTL: 2.003.000.000đ)	6.259.000.000	3.902.320.667	0,62	0,62
	Chi Lương, PC, các khoản đóng góp KCT xã (Nguồn CCTL: 150.000.000đ)	412.000.000	412.000.000	1,00	1,00
	Sinh hoạt phí HĐND	843.000.000	338.327.500	0,40	0,40
	Chi công việc ấp, khu phố	552.000.000	276.000.000	0,50	0,50
	Hỗ trợ bằng cấp KCT	392.000.000	175.700.000	0,45	0,45
	HĐ các tổ chức chính trị - XH các ấp, KP	30.000.000	15.000.000	0,50	0,50
	Quân sự	3.281.991.088	1.662.278.150	0,51	0,51
	Phụ cấp TN, đặc thù, DQTV	383.530.000	212.172.100	0,55	0,55
	Tiền ăn, ngày công, BHXH, BHYT (nguồn CCTL: 129.066.720đ)	2.898.461.088	1.450.106.050	0,50	0,50
	Công an	2.412.607.200	1.685.994.000	0,70	0,70
	Tổ ANTT (Nguồn CCTL: 46.8180.000đ)	2.412.607.200	1.685.994.000	0,70	0,70
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	4.565.191.300	3.470.776.135	0,76	0,76
	Cải cách hành chính, ISO, quản trị mạng	45.000.000	14.391.000	0,32	0,32
	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (theo Thông tư liên tịch số 75/2026/NĐ-CP ngày 16/3/2026	1.500.000.000	770.878.835	0,51	0,51
	Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp theo NĐ 154/2025/NĐ-CP đối với Người hoạt động KCT xã	1.832.793.300	1.832.793.300	1,00	1,00
	Kinh phí Lễ trao QĐ và các hoạt động Lễ giao nhận quân năm 2026	240.768.800	240.768.800	1,00	1,00
	Kinh phí trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026	100.699.200	100.699.200	1,00	1,00
	Kinh phí trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV; thuê xe; quà tặng đón quân nhân xuất ngũ năm 2026	61.028.000	61.028.000	1,00	1,00
	Kinh phí chi trả PC trách nhiệm của Trưởng, phó, Ban biên tập trang thông tin điện tử tổng hợp xã Châu Thành	30.888.000	6.318.000	0,20	0,20
	Kinh phí thuê tháo gỡ, vận chuyển tài sản tại trụ sở UBND 02 xã cũ; mua bực, trang trí bực để tượng Bác; 06 màn cửa sổ năm 2026	47.890.000	14.950.000	0,31	0,31
	Kinh phí tiếp xúc cử tri sau kỳ họp HĐND năm 2025; quà lưu niệm cho Đại biểu HĐND NK 2021-2026	233.030.000	209.720.000	0,90	0,90
	Kinh phí kỳ họp thứ I HĐND NK 2026-2031	44.610.000	44.370.000	0,99	0,99
	Kinh phí mua mới bộ xử lý phát màn hình Led hội trường A	23.800.000	23.800.000	1,00	1,00
	Kinh phí mua sắm, gia hạn phần mềm kế toán Misa, phần mềm QLTS, HT vận hành phần mềm KT, QLTS, Thuế TNCN	22.500.000	22.500.000	1,00	1,00

	Thực hiện cắt giảm tiết kiệm 10% chi thường xuyên và tiết kiệm thêm 5%	-62.444.250	-62.444.250		
	Kinh phí tổ chức họp HĐND kỳ họp thứ hai (kỳ họp chuyên đề) NK 2026-2031	43.330.000	43.310.000	1,00	1,00
	Kinh phí tổ chức họp HĐND kỳ họp thứ ba (kỳ họp chuyên đề) NK 2026-2031	27.140.000	27.140.000	1,00	1,00
	Kinh phí tổ chức cuộc thi phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác hoà giải cơ sở và XD xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn xã	59.714.000	58.109.000	0,36	0,36
	Kinh phí mua sắm tài sản tập trung năm 2026 (04 máy bàn; 02 cái máy vi tính xách tay; 04 cái máy in Laser)	152.000.000	0	0,00	0,00
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
	Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				

PHÒNG
NGÂN SÁCH VÀ
BÀN NHẬP

ƯU THÃI

10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				

4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Châu Thành, ngày 08 tháng 07 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Danh Hứa Quốc Vương

